

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN THÁNG
(Từ ngày 1 đến 30/11/ 2024)

1.1. Miền núi phía Bắc

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 50-100mm, riêng khu vực Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang phổ biến 100-200mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao, lưu lượng dòng chảy tại Yên Bái tăng so với tháng trước; tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN cùng kỳ 15%. + Trên sông Lô, lưu lượng dòng chảy tại Tuyên Quang giảm so với tháng trước; tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN cùng kỳ 10%.
b. Dự báo, cảnh báo
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 30-60mm có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN cùng kỳ 34%. + Trên sông Lô, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN cùng kỳ là 39%.

1.2. Đồng Bằng và Trung Du Bắc Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 50-100 mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Đà, dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La, tổng lượng dòng chảy đến hồ cao hơn với TBNN cùng kỳ 17%. + Lưu lượng dòng chảy trên sông Cầu và sông Lục Nam giảm mạnh so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại Cầu Gia Bảy cao hơn 75% so với TBNN; tổng lượng dòng chảy trên sông Lục Nam tại Chũ nhỏ hơn 44% so với TBNN. + Khu vực hạ lưu sông Hồng tại Hà Nội đã xuất hiện một trận lũ từ ngày 1/10-3/10 với mực nước đỉnh lũ đạt 4,82m (1h/03/10), biên độ lũ lên là 2,32m do ảnh hưởng chính của lũ trên sông Thao. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại Hà Nội cao hơn TBNN cùng kỳ 14%.
b. Dự báo, cảnh báo
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 60-120 mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên sông Đà, lưu lượng đến hồ Hòa Bình tiếp tục dao động theo điều tiết thủy điện Sơn La, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN cùng kỳ 37%

+ Trên hệ thống Thái Bình, lượng dòng chảy tháng 11 trên các sông tiếp tục giảm so với tháng 10. Trên sông Cầu tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy dự báo thấp hơn 14% so với TBNN. Trên sông Lục Nam, tổng lượng dòng chảy tại Chũ có khả năng ở mức thấp hơn 51% so với TBNN.

+ Dòng chảy trên sông Hồng tháng 11 biến đổi chậm và phụ thuộc vào điều tiết của các thủy điện tuyến trên. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại Hà Nội dự báo ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 2%.

1.3. Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: TLM phổ biến từ 100mm-200mm, riêng khu vực Nam Nghệ An - Hà Tĩnh từ 300-400mm, có nơi trên 800mm như Hoàn Sơn (Hà Tĩnh) 883mm, Kỳ Anh (Hà Tĩnh) 969mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Trong tháng 10, thượng nguồn các sông ở Hà Tĩnh xuất hiện 3 đợt lũ nhỏ, mực nước đỉnh lũ còn dưới mức BĐ1; các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An dao động theo xu thế xuống. Lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An giảm hơn so với tháng trước; sông Ngàn Sâu tăng hơn so với tháng trước, sông Ngàn Phố giảm hơn so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 35%, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn khoảng 58%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 60%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 64%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Thanh Hóa, Nghệ An từ 80-200mm, Hà Tĩnh từ 250-450mm
- Tổng lượng dòng chảy: Trong tháng 11, trên các sông ở Hà Tĩnh có khả năng xuất hiện 1-2 đợt lũ; trung hạ lưu các sông ở Nghệ An có khả năng xuất hiện 1-2 đợt lũ nhỏ, các sông ở Thanh Hóa ít biến đổi. Lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An giảm so với tháng trước, các sông ở Hà Tĩnh tăng so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn TBNN khoảng 40%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt thấp hơn 32%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm cao hơn khoảng 77%.

1.4. Trung Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 500-1000mm, có nơi cao hơn như Đông Hới (Quảng Bình) 1200mm, Nam Đông (Thừa Thiên Huế) 1323mm, Đông Hà (Quảng Trị) 1089mm.

- Tổng lượng dòng chảy: Trong tháng 10, lưu lượng dòng chảy trên các sông từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi tăng cao từ ngày 27-30/10. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (Thừa Thiên Huế) ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Thu Bồn (Quảng Nam) thấp hơn 26%, sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) thấp hơn 49%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 500-1100 mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy: Trong tháng 11, trên các sông từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi có khả năng xuất hiện 2-3 đợt lũ, dòng chảy tháng tăng so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch cao hơn TBNN cùng kỳ 57%, sông Thu Bồn và sông Trà Khúc thấp hơn từ 11-17%.

1.5. Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

Tổng lượng mưa: TLM phổ biến 100-300mm, có nơi cao hơn.

Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông từ Bình Định đến Bình Thuận giảm so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Bình Định) thấp hơn 74% so với TBNN, sông Ba (Phú Yên) thấp hơn 91%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) thấp hơn 29%, sông Lũy (Bình Thuận) cao hơn 34%, sông La Ngà (Bình Thuận) thấp hơn 61%.

b. Dự báo, cảnh báo

Tổng lượng mưa: Quy Nhơn đến Khánh Hòa: 350-600mm, Bình Thuận, Ninh Thuận: 100-250mm có nơi cao hơn.

Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông có dao động, tăng so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba ở mức < 45%, sông Cái Nha Trang ở mức >20% so với TBNN cùng kỳ.

1.6. Tây Nguyên

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 100-300mm, có nơi cao hơn như Bảo Lộc (Lâm Đồng) 591mm, Cát Tiên (Lâm Đồng) 544mm.

- Tổng lượng dòng chảy: Trong tháng 10, trên sông Cam Ly (Lâm Đồng) xuất hiện một số đợt lũ, đỉnh lũ cao nhất tại trạm Thanh Bình ở trên mức BĐ3. Tuần cuối tháng 10, trên các sông bắc Tây Nguyên và sông Krông Ana xuất hiện 1 đợt dao động. Lưu lượng dòng chảy các sông trên khu vực phổ biến ở mức xấp xỉ và giảm so với tháng trước, riêng sông Cam Ly lưu lượng dòng chảy tăng. Tổng lượng dòng chảy trên sông ĐăkBlá tại Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 91%, trên sông Krông Ana tại Giang Sơn thấp hơn 31%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 100-250mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy: Trong tháng tới, các sông trên khu vực Tây Nguyên có khả năng xuất hiện 1 đợt lũ, dòng chảy đến các sông dao động theo xu thế tăng. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại Kon Tum ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 88%, trên sông Srêpôk tại Giang Sơn thấp hơn 36%.

1.7. Nam Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: phổ biến 200-400mm, có nơi cao hơn 500mm như Mộc Hóa (Long An) 549mm, Vĩnh Long 527mm.

- Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến từ 100-250mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm. Trên sông Tiền tại Tân Châu và trên sông Hậu tại Châu Đốc tương đương TBNN.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 01/12/2024

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục 1: Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm*Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 01 đến ngày 30/11/2024*

Sông	Trạm	Thực đo trong 1 tháng qua (mm)	So sánh với TBNN (%)	Dự báo trong 1 tháng tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
Đà	Hồ Hòa Bình	83	-46.4	50-100	>20-40
Thao	Yên Bái	260	83.4	50-100	>20-40
Lô	Tuyên Quang	30	-69.2	50-100	>20-40
Hồng	Hà Nội	96	-26.2	60-120	>30-50
Cầu	Gia Bảy	21	-77.9	60-120	>30-50
Lục Nam	Chũ	11	-81.7	50-100	>30-50
Mã	Cắm Thủy	206	83.8	60-120	>30-50
Cả	Yên Thượng	308	-10.8	100-200	>30-50
La	Hòa Duyệt	338	-42.2	200-300	>30-50
Tả Trạch	Thượng Nhật	1323	33.9	900-1300	>20-40
Thu Bồn	Nông Sơn	637	-32.4	1100-1600	>20-40
Trà Khúc	Sơn Giang	410	-49.5	1000-1400	>20-40
Ba	Củng Sơn	311	-24.0	430-530	>10-30
Cái Nha Trang	Đông Trăng	116	-64.3	400-500	>10-30
ĐăkBlá	KonTum	214	11.9	60-120	>10-30
Srêpôk	Giang Sơn	156	-22.3	100-170	>10-30
Tiền	Tân Châu	266	2.6	150-200	>10-30
Hậu	Châu Đốc	266	2.6	150-200	>10-30

Bảng 1.2 Bảng số liệu nguồn nước thực đo và dự báo trên các sông chính

Đơn vị: $10^6 m^3$

Sông	Trạm	Yếu tố đo	Thực đo	So sánh TBNN	Dự báo	So sánh TBNN
Đà	Hồ Hòa Bình	W	4212	<17	1944	<37
Thao	Yên Bái	W	2309	>15	770	<34
Lô	Tuyên Quang	W	1633	>10	674	<39
Cầu	Gia Bảy	W	166.0	>75	101.8	<14
Lục Nam	Chũ	W	40	<44	33.48	<51
Hồng	Hà Nội	W	6412	>14	3758	<2
Mã	Cắm Thủy	W	1693	> 35	695	~ TBNN
Cả	Yên Thượng	W	1272	< 58	824	< 40
La	Hòa Duyệt	W	463	< 60	765	< 32
Tả Trạch	Thượng Nhật	W	115	~ TBNN	177	> 57
Thu Bồn	Nông Sơn	W	1264	< 26	2341	< 11
Trà Khúc	Sơn Giang	W	597	< 49	1516	< 17
Ba	Củng Sơn	W	157	< 87	1232	< 45
Cái N,T	Đồng Trăng	W	176	> 5	375	>20
ĐăkBlá	KonTum	W	40	< 91	47	< 88
Srêpôk	Giang Sơn	W	259	< 31	311	< 36
Tiền	Tân Châu	W			39912	~ TBNN
Hậu	Châu Đốc	W			8642	~ TBNN

Phụ lục 2: Bản đồ hiện trạng chênh lệch tổng lượng dòng chảy (tháng 10/2024) so với TBNN

